TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH THÁI N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/ HNGĐ - ST
Ngày: 23/8/2017
"V/v tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Đức Long
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyến
2. Ông Nguyễn Đức Tuấn

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Chu Văn Hiện - Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2017, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 238/2017/TLST - HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

N đơn: Chị Liêu Thị V, sinh năm 1978
Trú quán: Xóm N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
Bị đơn: Anh Lý Xuân T, sinh năm 1976
Trú quán: Xóm N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Các đương sự: Chị V có mặt, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, N đơn là chị Liêu Thị V trình bày:

Tôi và anh T cưới nhau năm 1995, khi lấy nhau cả hai đều tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới tôi về nhà anh T làm dâu và sinh sống ngay không mang theo tài sản riêng gì ngoài đồ dùng cá nhân. Vợ chồng sống chung với bố mẹ anh T vài tháng sau đó ăn ở riêng. Từ sau khi ở riêng vợ chồng tôi thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T tính tình nóng nảy, gia trưởng, hay đánh đập tôi. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng anh T không thay đổi nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Từ năm

2010 vợ chồng tôi đã sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Lý Huyền T, sinh năm 1998 và Lý Trung N sinh năm 2007. Về cháu T đã trưởng thành và có gia đình riêng nên tôi không đề nghị gì. Về cháu N, khi ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi cháu N tôi nhất trí, Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lý Xuân T trình bày:

Tôi và chị V cưới nhau năm 1995 trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị V về nhà tôi sinh sống ngay không mang theo tài sản riêng gì ngoài đồ dùng cá nhân. Vợ chồng ở chung với bố mẹ tôi vài tháng sau đó ăn ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng tôi sống hòa thuận hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi đánh nhau. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Đến năm 2010, chị V đòi đi làm tôi không đồng ý nên vợ chồng cãi nhau. Sau đó chị V cố tình đi nên vợ chồng tôi cũng sống ly thân từ đó tới nay không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị V xin ly hôn tôi nhất trí.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Lý Huyền T, sinh năm 1998 và Lý Trung N sinh năm 2007. Về cháu T đã trưởng thành và có gia đình riêng nên tôi không đề nghị gì. Khi ly hôn tôi xin được nuôi cháu N. Tôi không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểuý kiền về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh T. Về con chung: Giao con chung là cháu Lý Trung N cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con cả hai bên đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung,

nợ chung: Hai đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Về án phí chị V phải chịu án phí LHST theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành, do vậy phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên toà, xem xét ý kiến của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

{1}.Về quan hệ hôn nhân: Khi kết hôn chị V và anh T có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn nên theo quy định của pháp luật không được coi là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống chị V và anh T hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay. Do thời gian sống ly thân đã lâu, nay cả hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị V xin ly hôn anh T nhất trí.

Tuy nhiên do anh T và chị V không đăng ký kết hôn theo đúng quy định nên cần áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh T là phù hợp.

{2}. Về con chung: Chị V và anh T đều xác định vợ chồng có 2 con chung là Lý Huyền T, sinh năm 1998 và Lý Trung N sinh năm 2007. Xét thấy hiện nay cháu T đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu N có nguyện vọng ở với bố, anh T cũng có nguyện vọng được nuôi con. Do vậy cần giao cháu N cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chị V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

{3}. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

{4}. Về án phí: Chị V phải chịu án phí LHST sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

***Tuyên xử*:**

1. ***Về quan hệ hôn nhân***: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Liêu Thị V và anh Lý Xuân T.

2. ***Về con chung***: Giao con chung là Lý Trung N, sinh ngày 07/7/2007 cho chị anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. ***Về án phí***: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí LHST sung công quỹ nhà nước (được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0011815 ngày 20/7/2017 tại Chi cục THADS huyện Đ).

Báo cho cho chị V biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Đ
- THADS huyện Đ
- TAND tỉnh Thái N
- UBND xã
- Lưu VT, HS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LƯƠNG ĐỨC LONG